

Trường nguyên vọng 1: THPT Châu Thành

| STT | SBD    | HỌ VÀ TÊN THÍ SINH   | NGÀY SINH  | KHÔNG CHUYÊN |         |        |      |           |                |                |         | CHUYÊN     |                |                |                |               |
|-----|--------|----------------------|------------|--------------|---------|--------|------|-----------|----------------|----------------|---------|------------|----------------|----------------|----------------|---------------|
|     |        |                      |            | PH THI       | NGŨ VĂN | VẬT LÍ | TOÁN | TỔNG ĐIỂM | ĐIỂM CỘNG THÊM | ĐIỂM XÉT TUYỂN | GHI CHÚ | MÔN CHUYÊN | TIẾNG ANH (KC) | ĐIỂM XÉT TUYỂN | ĐIỂM XÉT NGUỒN | GHI CHÚ (MCH) |
| 1   | 310021 | Võ Trọng Ân          | 10/10/1997 | 1            | 1.75    | 2.50   | 3.50 | 13.00     | 1.00           | 14.00          |         |            |                |                |                |               |
| 2   | 310044 | Nguyễn Thanh Chí     | 22/06/1996 | 2            | 2.25    | 3.75   | 2.00 | 12.25     | 0.00           | 12.25          |         |            |                |                |                |               |
| 3   | 310054 | Nguyễn Anh Cường     | 20/04/1997 | 3            | 0.25    | 3.00   | 0.25 | 4.00      | 0.00           | 4.00           |         |            |                |                |                |               |
| 4   | 310117 | Lê Huỳnh Đức         | 23/09/1997 | 5            | 3.00    | 4.00   | 1.75 | 13.50     | 1.00           | 14.50          |         |            |                |                |                |               |
| 5   | 310120 | Vũ Công Đức          | 29/03/1997 | 5            | 2.75    | 3.25   | 2.50 | 13.75     | 0.50           | 14.25          |         |            |                |                |                |               |
| 6   | 310139 | Nguyễn Tấn Hải       | 27/12/1997 | 6            | 1.25    | 4.25   | 0.50 | 7.75      | 2.00           | 9.75           |         |            |                |                |                |               |
| 7   | 310395 | Phạm Ngọc Phát       | 21/08/1997 | 17           | 2.50    | 2.50   | 1.50 | 10.50     | 2.00           | 12.50          |         |            |                |                |                |               |
| 8   | 310418 | Trần Thị Diễm Phương | 22/10/1997 | 18           | 4.00    | 3.25   | 3.75 | 18.75     | 1.00           | 19.75          |         |            |                |                |                |               |
| 9   | 310419 | Trần Thị Yến Phương  | 05/02/1995 | 18           | 3.25    | 2.75   | 4.00 | 17.25     | 1.00           | 18.25          |         |            |                |                |                |               |
| 10  | 310444 | Trần Thanh Sáng      | 08/09/1997 | 19           | 1.75    | 5.00   | 1.00 | 10.50     | 2.00           | 12.50          |         |            |                |                |                |               |
| 11  | 310468 | Phạm Ngọc Tấn        | 21/08/1997 | 20           | 2.00    | 4.25   | 1.00 | 10.25     | 2.00           | 12.25          |         |            |                |                |                |               |
| 12  | 310469 | Huỳnh Văn Tèo        | 03/04/1997 | 20           | 1.75    | 4.50   | 0.75 | 9.50      | 1.00           | 10.50          |         |            |                |                |                |               |
| 13  | 310486 | Nguyễn Hồng Như Thảo | 30/07/1997 | 21           | 3.00    | 3.00   | 1.25 | 11.50     | 1.50           | 13.00          |         |            |                |                |                |               |
| 14  | 310551 | Phạm Minh Tiến       | 11/07/1997 | 23           | 2.50    | 5.00   | 3.00 | 16.00     | 1.00           | 17.00          |         |            |                |                |                |               |
| 15  | 310573 | Trần Thị Thu Trang   | 02/03/1996 | 24           | 1.25    | 3.75   | 1.25 | 8.75      | 2.50           | 11.25          |         |            |                |                |                |               |
| 16  | 310587 | Đào Văn Trị          | 23/05/1996 | 25           | 1.75    | 3.00   | 0.50 | 7.50      | 1.00           | 8.50           |         |            |                |                |                |               |

| STT | SBD | HỌ VÀ TÊN THÍ SINH | NGÀY<br>SINH | KHÔNG CHUYÊN |            |           |      |              |                      |                      | CHUYÊN     |               |                      |                      |                      |
|-----|-----|--------------------|--------------|--------------|------------|-----------|------|--------------|----------------------|----------------------|------------|---------------|----------------------|----------------------|----------------------|
|     |     |                    |              | PH<br>THI    | NGŨ<br>VĂN | VẬT<br>LÍ | TOÁN | TỔNG<br>ĐIỂM | ĐIỂM<br>CỘNG<br>THÊM | ĐIỂM<br>XÉT<br>TUYỂN | GHI<br>CHÚ | MÔN<br>CHUYÊN | TIẾNG<br>ANH<br>(KC) | ĐIỂM<br>XÉT<br>TUYỂN | ĐIỂM<br>XÉT<br>NGUỒN |

Ghi chú: ĐIỂM XÉT TUYỂN KHÔNG CHUYÊN = (NGŨ VĂN + TOÁN) x 2 + VẬT LÝ + ĐIỂM CỘNG THÊM

ĐIỂM XÉT TUYỂN CHUYÊN = NGŨ VĂN + TOÁN + TIẾNG ANH (KC) + CHUYÊN x 2

ĐIỂM XÉT TUYỂN NGUỒN = NGŨ VĂN + TOÁN + TIẾNG ANH + CHUYÊN

Liệt không chuyên: nếu có điểm môn thi bằng 0

Liệt chuyên: nếu có điểm môn thi bé hơn hoặc bằng 2

Ngày .12.. tháng ..7.. năm 2012

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CÁN BỘ IN VÀ SOÁT BẢNG THI

Phạm Ngọc Bách

Nguyễn Thị Xếp